

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI LÊN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ CÁN CÂN THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

● LÊ THỊ HOÀI TRINH

TÓM TẮT:

Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích tác động của tự do hóa thương mại lên hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tại Việt Nam. Dựa trên dữ liệu thời gian của Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2020, sử dụng mô hình ECM và phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để xác định những nhân tố nào có tác động lên xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Trong mô hình xuất khẩu, chỉ có biến thu nhập thế giới (WI) tác động lên giá trị xuất khẩu; Trong mô hình nhập khẩu, biến tỷ giá hối đoái thực đa phương (MRER) và biến tỷ lệ thuế quan (TR) tác động lên giá trị nhập khẩu; Trong mô hình cán cân thương mại, các biến tác động lên cán cân thương mại là: thu nhập thế giới (WI), thu nhập Việt Nam (VI) và tỷ lệ thuế quan (TR).

Từ khóa: tự do hóa thương mại, xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân thương mại.

1. Đặt vấn đề

Tự do hóa thương mại đang là xu thế toàn cầu vì không chỉ tạo ra của cải vật chất cho xã hội, mà còn thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của các quốc gia. Hiểu rõ được điều này nên từ năm 1986, Việt Nam đã chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở với phương châm đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, tiến trình tự do hóa thương mại không chỉ mở ra cơ hội mới, mà còn kèm theo những thách thức vô cùng to lớn. Theo số liệu từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế, từ khi ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã giúp khối

lượng hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới tăng lên nhanh chóng. Tuy nhiên, giá trị tăng lên của nhập khẩu thường lớn hơn xuất khẩu và hiện tượng này kéo dài trong nhiều năm, khiến cán cân thương mại thâm hụt nghiêm trọng. Do đó, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài: “Tác động của tự do hóa thương mại lên xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tại Việt Nam” để hiểu rõ và có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn đối với tác động của thương mại tự do lên hoạt động xuất nhập khẩu và cán cân thương mại của Việt Nam trong giai đoạn 1991-2020.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm dữ liệu được thu thập chủ yếu từ nguồn thống kê của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) trong khoảng thời gian từ năm 1991 đến năm 2020.

2.2. Các biến nghiên cứu

Biến phụ thuộc: xuất khẩu (export - X); nhập khẩu (import - M); cán cân thương mại (balance of trade - BOT).

Biến độc lập: tỷ giá hối đoái thực đa phương (multilateral real exchange rate - $MRER$); thu nhập thế giới (world income - WI); thu nhập Việt Nam (GDP of Vietnam - VI); tỷ lệ thuế quan (Tariff rate - TR); điều kiện thương mại (Terms of Trade - TOT).

2.3. Mô hình nghiên cứu

* Mô hình xuất khẩu:

$$X = A * MRER^{\beta_1} * WI^{\beta_2} \quad (1)$$

với A là hằng số, $MRER$ là tỷ giá hối đoái thực đa phương của Việt Nam, WI là thu nhập thế giới (cụ thể là tổng GDP của 12 thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Hồng Kông (Trung Quốc), Úc, Hà Lan, Vương quốc Anh, Singapore, Malaysia và Thái Lan), β_1 và β_2 tương ứng là hệ số co giãn của giá và thu nhập.

Lấy logarit các biến, mô hình xuất khẩu là:

$$x_t = \beta_0 + \beta_1 m_{rer_t} + \beta_2 w_{i_t} + \mu_t \quad (2)$$

với μ_t là sai số.

Kỳ vọng của các biến trong mô hình là:

$$\beta_1 > 0, \beta_2 > 0$$

* Mô hình nhập khẩu:

$$m_t = \delta_0 + \delta_1 m_{rer_t} + \delta_2 v_{i_t} + \mu_t \quad (3)$$

với VI_t là thu nhập của Việt Nam (những biến còn lại đã được định nghĩa ở mô hình xuất khẩu).

Để kiểm định tác động của tự do hóa thương mại lên nhập khẩu, cần phải đo lường thêm mức ảnh hưởng của tỷ lệ thuế quan TR (tariff rate) lên nhập khẩu.

Mô hình nhập khẩu mở rộng là:

$$m_t = \delta_0 + \delta_1 m_{rer_t} + \delta_2 v_{i_t} + \delta_3 tr_t + \mu_t \quad (4)$$

Kỳ vọng của các biến trong mô hình là:

$$\delta_1 < 0, \delta_2 > 0, \delta_3 < 0$$

* Mô hình CCTM:

$$bot_t = \theta_0 + \theta_1 m_{rer_t} + \theta_2 w_{i_t} + \theta_3 v_{i_t} + \theta_4 tr_t + \theta_5 tot_t + \mu_t \quad (5)$$

với tot là điều kiện thương mại của Việt Nam (những biến còn lại đã được định nghĩa ở mô hình xuất khẩu và nhập khẩu).

Kỳ vọng của các biến trong phương trình là:

$$\theta_1 > 0, \theta_2 > 0, \theta_3 < 0, \theta_4 > 0, \theta_5 > 0.$$

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tác động của tự do hóa thương mại lên xuất khẩu

Mô hình hồi quy có dạng:

$$x_t = \beta_0 + \beta_1 m_{rer_t} + \beta_2 w_{i_t} + \mu_t \quad (2)$$

với x_t là tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam; m_{rer_t} là tỷ giá thực đa phương của Việt Nam; w_{i_t} là tổng GDP của Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Hồng Kông (Trung Quốc), Úc, Hà Lan, Vương quốc Anh, Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Bảng 1. Kết quả hồi quy mô hình xuất khẩu

beta	Coef.	Std.	Err.	z	P> z	[95% Conf. Interval]
m_{rer}	-.0882972	.3266518	-0.27	0.787	-.728523	.5519285
w_i	3.290077	.1365953	-24.09	0.000	-3.557799	-3.022355
_cons	91.55285	.	.	.	.	.

Nguồn: Stata và tính toán của tác giả, 2023

Bảng 1 trình bày kết quả hồi quy của mô hình (2) cho thấy: với mức ý nghĩa 1%, biến w_i có tác động tích cực đến tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong dài hạn, kết quả này là giống với kỳ vọng ban đầu.

Ta có mô hình xuất khẩu: $x_t = 91.55 + 3.29w_{i_t}$

* Phân tích kết quả nghiên cứu:

Như đã trình bày ở trên, các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong thời gian nghiên cứu là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Hồng Kông, Úc, Hà Lan, Vương quốc Anh, Singapore, Malaysia và Thái Lan. Đây cũng là các quốc gia đã có hoặc đang tiến hành đàm phán các Hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương với Việt Nam.

Thương mại tự do, hội nhập kinh tế quốc tế đã

giúp Việt Nam tiếp cận được với các nước nhập khẩu hàng đầu trên thế giới như Hoa Kỳ (số 1), Trung Quốc (số 2) và Nhật Bản (số 3). Đây cũng là 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Các loại sản phẩm được Hoa Kỳ nhập khẩu nhiều nhất là dệt may, giày dép, lâm sản, thủy sản...; Nhật Bản nhập khẩu nhiều xăng dầu, dệt may, hải sản và Trung Quốc là nông sản (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2020). Ngoài các quốc gia riêng biệt, thị trường xuất khẩu Việt Nam còn có các khu vực kinh tế như ASEAN, APEC và EU. ASEAN chủ yếu nhập khẩu từ Việt Nam những mặt hàng như dầu thô, linh kiện - điện tử và nông sản, còn với EU là giày dép, dệt may và nông sản. Qua đó có thể thấy, sản phẩm được các thị trường lớn nhất nhập khẩu cũng chính là sản phẩm Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất. Vì vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ phụ thuộc rất nhiều vào mức độ nhập khẩu của các thị trường trên. Điều này chứng minh, tự do hóa thương mại đã khiến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam gắn liền với tình hình nền kinh tế của các quốc gia hay khu vực có các Hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương với Việt Nam.

3.2. Tác động của tự do hóa thương mại lên nhập khẩu

Mô hình hồi quy có dạng:

$$m_t = \delta_0 + \delta_1 m_{rer_t} + \delta_2 v_t + \delta_3 tr_t + \mu_t \quad (4)$$

với m_t là tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam; m_{rer_t} là tỷ giá thực đa phương của Việt Nam; v_t là tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam; tr_t là tỷ lệ thuế quan của Việt Nam.

Bảng 2. Kết quả hồi quy mô hình nhập khẩu

beta	Coef.	Std.	Err.	z	P> z	[95% Conf. Interval]
m_{rer}	1.111266	1.88645	-4.83	0.000	-12.80864	-5.413893
v	.5727896	.5281126	1.08	0.278	-.462292	1.607871
tr	-.553401	.6623863	0.84	0.003	-.7448523	1.851654
_cons	19.86351	.	.	.	.	.

Nguồn: Stata và tính toán của tác giả, 2023

Bảng 2 trình bày kết quả hồi quy của mô hình (4) cho thấy: với mức ý nghĩa 1%, biến m_{rer} và biến tr đều có tác động đến tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam trong dài hạn. Trong đó, biến m_{rer} có tác động tích cực, kết quả này không giống với

kỳ vọng ban đầu; và biến tr có tác động tiêu cực, kết quả này giống với kỳ vọng ban đầu.

Ta có mô hình nhập khẩu:

$$m_t = 19.86 + 1.11m_{rer_t} - 0.55tr_t$$

* Phân tích kết quả nghiên cứu

Theo lý thuyết, khi MRER của Việt Nam càng tăng, nghĩa là VND càng bị định giá thấp so với các loại tiền tệ khác, điều này sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu và tiêu cực đến nhập khẩu. Nhưng dấu của hệ số biến m_{rer} dương (> 0) chứng tỏ rằng khi MRER tăng sẽ làm cho nhập khẩu tăng trưởng theo. Để giải thích điều này, tác giả đưa ra 2 nguyên nhân cụ thể:

Thứ nhất, đó là do các thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, Việt Nam chủ yếu nhập hàng hóa từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Singapore và Đài Loan (Trung Quốc). Kể từ những năm đầu 1990, do những nguyên nhân khác nhau mà Thái Lan, Hàn Quốc, Malaysia... đều định giá rất cao đồng tiền của mình (cuối cùng dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á vào năm 1997), khiến cho giá hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ các quốc gia trên trở nên đắt hơn so với mức giá “thực” của nó. Nhưng vì trong thập niên 1990, đặc biệt từ sau khi Liên bang Xô Viết sụp đổ vào năm 1992, với công nghệ kỹ thuật còn nghèo nàn lạc hậu, phương tiện vận tải khan hiếm đắt đỏ, Việt Nam vẫn phải ưu tiên nhập khẩu từ các nước ở trong khu vực. Riêng đối với Trung Quốc, một

trong những thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam lại có diễn biến nền kinh tế khác hẳn. Từ năm 1979 đến năm 1993 (trong vòng 14 năm), Trung Quốc đã phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ (CNY) đến 7 lần; đến năm 1994, Chính phủ Trung Quốc quyết định tiếp tục

phá giá và lần này biên độ phá giá lên tới 50% (Trần Đình Thiên, 2007), cho nên dù MRER của Việt Nam tăng lên, nhưng nếu xét riêng ra, đồng CNY giảm giá so với VND nên Việt Nam vẫn gia tăng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Thứ hai, đó là do các loại hàng hóa được nhập khẩu.

Những hàng hóa chủ yếu được nhập khẩu là xăng dầu, sắt thép, linh kiện - điện tử, vải và phụ liệu may... Đây đều là những hàng hóa bắt buộc phải nhập đối với Việt Nam, hay nói cách khác, cầu đối với những hàng hóa này không có độ co giãn về giá. Xăng dầu là loại nhiên liệu cần thiết trong hầu hết các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Dệt may, linh kiện - điện tử, sắt thép là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, nhưng hầu hết nguyên vật liệu cho việc sản xuất đều được nhập về, sau đó tiến hành gia công rồi được xuất khẩu. Điều này cho thấy, để tiếp tục duy trì hoạt động xuất khẩu, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu các loại nguyên liệu trên cho dù sự thay đổi trong tỷ giá gây bất lợi.

Tỷ lệ thuế quan giảm sẽ khiến giá hàng hóa nhập khẩu rẻ hơn, nhu cầu đối với hàng nhập khẩu vì thế cũng gia tăng, từ đó, tác động làm tăng giá trị nhập khẩu.

3.3. Tác động của tự do hóa thương mại lên cán cân thương mại

Mô hình hồi quy có dạng:

$$bot_t = \theta_0 + \theta_1 mrrer_t + \theta_2 wi_t + \theta_3 vi_t + \theta_4 tr_t + \theta_5 tot_t + \mu_t \quad (5)$$

với bot_t là cán cân thương mại của Việt Nam; $mrrer_t$ là tỷ giá thực đa phương của Việt Nam; wi_t là tổng GDP của Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Hong Kong (Trung Quốc), Úc, Hà Lan, Vương quốc Anh, Singapore, Malaysia và Thái Lan; vi_t là GDP của Việt Nam; tr_t là tỷ lệ thuế quan của Việt Nam; tot_t là điều kiện thương mại của Việt Nam.

Bảng 3 trình bày kết quả hồi quy của mô hình

(3) cho thấy: với mức ý nghĩa 1%, biến vi ; biến tr và biến tot đều có tác động đến cán cân thương mại của Việt Nam trong dài hạn. Trong đó, biến vi và biến tot có tác động tiêu cực; biến tr có tác động tích cực, kết quả này giống với kỳ vọng ban đầu.

Ta có mô hình cán cân thương mại:

$$bot_t = 36.7 + 1.7wi_t - 0.16vi_t + 0.43tr_t$$

* Phân tích kết quả nghiên cứu

Đối chiếu kết quả của mô hình cán cân thương mại với mô hình xuất khẩu và nhập khẩu, ta thấy: Trong mô hình xuất khẩu, chỉ có biến wi tác động lên giá trị xuất khẩu, và tương ứng cũng tác động lên cán cân thương mại. Trong mô hình nhập khẩu, biến $mrrer$ và biến tr tác động lên giá trị nhập khẩu, nhưng tác động đến cán cân thương mại là biến vi và biến tr .

Thuế quan tác động tiêu cực đến nhập khẩu, nên sẽ có tác động tích cực lên cán cân thương mại. Tác động của tổng GDP các thị trường xuất khẩu chủ yếu và GDP của Việt Nam lên cán cân thương mại được hiểu tương tự như đối với mô hình xuất khẩu và nhập khẩu. Tổng GDP các thị trường xuất khẩu chủ yếu có tác động tích cực đến xuất khẩu, nên tương ứng sẽ có tác động tích cực lên cán cân thương mại, trong khi đó GDP của Việt Nam có tác động tích cực đến nhập khẩu nên tương ứng sẽ có tác động tiêu cực lên cán cân thương mại.

4. Kiến nghị và hàm ý chính sách

Thứ nhất, mở rộng mối quan hệ thương mại. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết khá nhiều hiệp định thương mại tự do với các quốc gia và các khu vực trên thế giới. Tuy nhiên, số lượng các quốc gia có mối quan hệ thương mại với Việt Nam lại không quá lớn. Nguyên nhân vì hầu hết các nước trong hiệp định này sẽ trùng lặp lại ở hiệp định song phương hoặc đa phương khác. Các đối tác trong hiệp định thương mại hầu hết là những nước nằm gần với Việt Nam. Khoảng cách địa lý là một lợi thế nhất định trong quá trình giao thương, tuy nhiên, những thị trường mới ở xa hơn sẽ chứa nhiều tiềm năng hơn. Khoảng cách sẽ làm cho hàng hóa giữa

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình cán cân thương mại

beta	Coef.	Std.	Err.	z	P> z	[95% Conf. Interval]
<i>mrrer</i>	1	.	.	.	.	.
<i>wi</i>	1.7008	.5260134	-3.23	0.001	-2.731768	-.6698331
<i>vi</i>	-.156155	.2331262	0.67	0.003	-.3007639	.6130738
<i>tr</i>	.4265193	.0720417	-5.92	0.000	-.5677184	-.2853202
<i>tot</i>	1.375192	.3880767	3.54	0.502	.6145754	2.135808
_cons	36.70051	.	.	.	.	.

Nguồn: Stata và tính toán của tác giả, 2023

các quốc gia trở nên khác biệt, khi đó, nhu cầu đối với các sản phẩm trong nước không có hàng thay thế sẽ giúp Việt Nam tăng trưởng xuất khẩu, đồng thời đa dạng hơn nguồn hàng nhập khẩu cho thị trường trong nước, hạn chế phụ thuộc vào một vài thị trường nhất định.

Thứ hai, hỗ trợ xuất khẩu. Sản xuất xuất khẩu nông, lâm, thủy sản là hoạt động kinh doanh đòi hỏi chi phí và rủi ro cao, nhưng lợi nhuận lại không ổn định, đặc biệt là trong lĩnh vực thủy sản, nhưng đây lại là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam. Do đó, Chính phủ cần có nhiều chính sách hỗ trợ hơn nữa cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước, không chỉ những chính sách truyền thống như nới lỏng tín dụng hay hỗ trợ lãi vay, mà cần có những định

hướng cụ thể trong việc lựa chọn ngành hàng sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ đầu ra cho doanh nghiệp.

Thứ ba, thắt chặt giám sát tình trạng buôn bán hàng hóa phi pháp, gian lận thương mại. Hình ảnh của một quốc gia trên thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những hàng hóa, sản phẩm của quốc gia đó trên thị trường quốc tế. Muốn tăng trưởng xuất khẩu, Việt Nam cần xây dựng hình ảnh của hàng hóa nội địa tốt hơn, có sức cạnh tranh hơn, cần xây dựng một thương hiệu tốt cho hàng Việt trong mắt bạn bè quốc tế. Để thực hiện được điều này, trước tiên, Việt Nam cần phải siết chặt an ninh, xử lý nghiêm tình trạng buôn bán hàng hóa phi pháp và gian lận trong thương mại, tạo một môi trường kinh doanh an toàn và hiệu quả ■

Ghi chú: Kết quả điều tra được thực hiện từ ngày 02/8/2022 đến ngày 02/4/2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

1. Hạ Thị Thiều Dao và Phạm Thị Tuyết Trinh. (2012). Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực đa phương và tỷ giá thực đa phương cân bằng của Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng*, 17, 31-42.
2. Hoàng Đức Thân. (2012). *Chính sách thương mại và vấn đề nhập siêu của Việt Nam*. Hà Nội: Ủy ban Kinh tế Quốc hội.
3. Tổng cục Thống kê Việt Nam. (n.d.). *Niên giám thống kê 2005, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*. Hà Nội: NXB. Thống Kê.
4. Trương Đình Tuyển. (2010). Xu hướng tự do hóa thương mại - Hàm ý về cách tiếp cận của chúng ta. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 236, 45-48.

Tiếng Anh

5. Allaro, Hailegiorgis Biramo. (2012). The Impact of Trade Liberalization on the Ethiopia's Trade Balance. *American Journal of Economics*, 2(5), 75-81.
6. Baldwin John R. and Wulong Gu. (2004). *Trade Liberalization: Export-market Participation, Productivity Growth and Innovation*. Ottawa: Statistics Canada.
7. Greenaway, David, Wyn Morgan and Peter Wright. (2002). Trade liberalisation and growth in developing countries. *Journal of Development Economics*, 67(1), 229-244.
8. Kassim, Lanre. (2013). *The Impact of Trade Liberalisation on Export Growth and Import Growth in Sub-Saharan Africa*. Johannesburg: Africa's economic geography and regional integration.
9. Milner, Chris and Evious Zgovu. (2003). *Export response to trade liberalisation in the presence of high trade costs: Evidence for a landlocked African economy*. Nottingham: The University of Nottingham.
10. Mwaba Andrew. (2000). *Trade Liberalization and Growth: Policy Options for African Countries in a Global Economy*. The African Development Bank, Economic Research Paper No. 60, Abidjan.

11. Pacheco-López, Penélope. (2004). *The impact of trade liberalisation on exports, imports, the balance of payments and growth: The case of Mexico*. Kent: University of Kent.
12. Santos-Paulino, Amelia and A. P. Thirlwall. (2004). The impact of trade liberalisation on exports, imports and the balance of payments of developing countries. *The Economic Journal*, 114(493), 50-72.
13. Santos-Paulino, Amelia U. (2000). *Trade liberalisation and export performance in selected developing countries*. Kent: University of Kent.
14. Shujiro Urata and Kozo Kiyota. (2005). *The Impacts of an East Asia Free Trade Agreement on Foreign Trade in East Asia*. Chicago: University of Chicago Press.
- 15]. WTO. (n.d.). *World Tariff Profiles 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*. Geneva: WTO

Ngày nhận bài: 5/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/6/2023

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ THỊ HOÀI TRINH

Khoa Kinh tế - Tài chính, Đại học Duy Tân

THE IMPACT OF THE TRADE LIBERALISATION ON VIETNAM'S EXPORT, IMPORT AND TRADE BALANCE

● Master. **LE THI HOAI TRINH**

Faculty of Economics - Finance, Duy Tan University

ABSTRACT:

This study analyzes the impact of trade liberalization on Vietnam's exports, imports, and trade balance. The study uses Vietnam's time series from 1991 to 2020. The ECM model and ordinary least squares (OLS) method are employed to determine the factors impacting Vietnam's exports, imports, and trade balance. The study finds that in the export model, only the variable of world income (WI) affects Vietnam's export growth. Meanwhile, in the import model, the variables of the multilateral real exchange rate (MRER) and tariff rate (TR) affect Vietnam's import growth. In addition, in the trade balance model, the variables of WI, TR, and Vietnam's income all affect Vietnam's trade balance.

Keywords: trade liberalisation, export, import, the balance of trade.